

Bản án số: 1988/2020/DS-ST.

Ngày: 07-12-2020.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Hữu Phúc,
2. Bà Nguyễn Thanh Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 1080/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 07 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 483/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 272/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT .

Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông L.H.P., sinh năm 1977, chức vụ: Nhân viên Phòng kiểm soát rủi ro-Chỉ nhánh Phú Nhuận (Giấy ủy quyền 158/2020/UQ-CN PHÚ NHUẬN ngày 08/6/2020).

2. Bị đơn: Bà N.K.S , sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Chu Văn An, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT có ông L.H.P làm đại diện trình bày:*

Ngày 03/8/2018, bà N.K.S có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT (Sau đây gọi là: ngân hàng) với hạn mức 10.000.000 đồng, lãi suất 2,15%/tháng. Căn cứ thu nhập của bà N.K.S, ngân hàng đã đồng ý cấp cho bà N.K.S thẻ tín dụng số 486265-2055 với hạn mức 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Sau khi nhận thẻ, bà N.K.S đã thực hiện các giao dịch tổng cộng là 32.199.900 đồng và thanh toán cho ngân hàng số tiền là 29.001.272 đồng. Tuy nhiên, từ tháng 01/2020 cho đến nay, bà N.K.S đã không tiếp tục thanh toán số tiền còn lại cho ngân hàng dù đã được nhắc nhở nhiều lần nên ngày 22/4/2020, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn trên số tiền gốc là 9.811.616 đồng theo lãi suất 2,6%/tháng theo Điều 26 Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT khởi kiện bà N.K.S yêu cầu thanh toán làm một lần số tiền còn thiếu của hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ với số tiền gốc là 9.811.616 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền còn thiếu theo mức lãi suất thỏa thuận từ ngày chuyển nợ quá hạn cho đến khi thanh toán xong.

** Bị đơn bà N.K.S :*

Bà N.K.S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà N.K.S không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà N.K.S .

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh:*

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà N.K.S, cư trú tại quận Bình Thạnh nên Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của

nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT , và bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà N.K.S nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây tranh chấp dân sự liên quan đến giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân.

Tại kết quả trả lời Quyết định số 1047/2020/QĐ-CCTLCC ngày 27/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Công an Phường 12, quận Bình Thạnh xác định: Bà N.K.S , sinh năm 1969, hộ khẩu thường trú Chu Văn An, Phường 12, quận Bình Thạnh. Không thực tế cư trú tại Chu Văn An, Phường 12, quận Bình Thạnh từ 2016 đến nay. Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/08/2018, bà N.K.S tự kê khai địa chỉ hiện tại là Chu Văn An, Phường 12, quận Bình Thạnh. Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ và xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn bà N.K.S là Chu Văn An, Phường 12, quận Bình Thạnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Xét đại diện nguyên đơn có Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đề ngày 28/8/2020 do bà N.K.S vắng mặt không có lý do chính đáng, không hợp tác giải quyết nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đã triệu tập phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/10/2020 nhưng bà N.K.S vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Xét đại diện nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 07/12/2020 có nội dung giữ yêu cầu khởi kiện đối với bà N.K.S nên căn cứ khoản 1 Điều 228

Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT .

Xét bị đơn bà N.K.S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa được triệu tập lần thứ hai mà không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà N.K.S .

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại đơn xin vắng mặt, đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT vẫn giữ yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Kim Sinh thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực số tiền còn thiếu theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 03/08/2018 tổng cộng đến ngày xét xử sơ thẩm là 12.719.779 đồng (Mười hai triệu bảy trăm mười chín ngàn bảy trăm bảy mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 9.811.616 đồng (Chín triệu tám trăm mười một ngàn sáu trăm mười sáu đồng) và tiền lãi là 2.908.163 đồng (Hai triệu chín trăm lẻ tám ngàn một trăm sáu mươi ba đồng), tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 08/12/2020 cho đến khi thanh toán xong.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ nội dung ngành, nghề kinh doanh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Ngân hàng và bà N.K.S có giao kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 03/08/2018 với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của ngân hàng mà không cần báo trước cho chủ thẻ. Xét, chủ thẻ ký kết, nội dung và hình thức giao kết phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên buộc các bên phải thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận.

Thực hiện hợp đồng, bà N.K.S đã nhận thẻ tín dụng theo yêu cầu (số thẻ 486265-2055) và đã thực hiện các giao dịch trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng này từ tháng 08/2018 đến tháng 06/2019 có tổng giá trị là 32.199.900 đồng (Ba mươi hai triệu một trăm chín mươi chín ngàn chín trăm đồng). Bà N.K.S đã thanh toán cho ngân hàng đến kỳ thanh toán gần nhất ngày 22/12/2019 với tổng số tiền là 29.001.272 đồng (Hai mươi chín triệu một ngàn hai trăm bảy mươi hai đồng).

Xét trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N.K.S không thường xuyên thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận và ngừng thanh toán từ sau ngày 23/12/2019 là vi phạm điểm 21 và điểm 26 mục Trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng thương mại Cổ phần SGTT có hiệu lực ngày 04/01/2018, nên căn cứ thỏa thuận hợp đồng, Điều 463 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13, bà N.K.S phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Do vậy, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N.K.S và ngày 23/4/2020, chuyển số tiền còn thiếu là 9.811.616 đồng sang nợ quá hạn sau ba kỳ liên tiếp không thanh toán số tiền tối thiểu là đúng thỏa thuận tại điểm 13 mục Sử dụng thẻ và điểm 26 mục Trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng thương mại Cổ phần SGTT có hiệu lực ngày 04/01/2018. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà N.K.S thanh toán số tiền gốc còn thiếu là 9.811.616 đồng và tiền lãi trên số tiền gốc còn thiếu theo mức lãi suất quá hạn được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả.

Theo điểm 1.27 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng thương mại Cổ phần SGTT có hiệu lực ngày 04/01/2018, lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn, và tại Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/08/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT, lãi suất trong hạn sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được áp dụng từ ngày 15/8/2019 là 2,6%/tháng nên tiền lãi quá hạn mà bà N.K.S phải trả cho ngân hàng từ ngày 23/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 07/12/2020 (228 ngày) là 2.908.163 đồng (Hai triệu chín trăm lẻ tám ngàn một trăm sáu mươi ba đồng).

Như vậy, bà N.K.S có trách nhiệm thanh toán làm một lần cho Ngân hàng thương mại Cổ phần SGTT tổng số tiền còn thiếu đến ngày xét xử sơ thẩm là 12.719.779 đồng, trong đó tiền gốc là 9.811.616 đồng và tiền lãi là 2.908.163 đồng, và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất quá hạn được các bên thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 362/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn

bà N.K.S phải chịu án phí sơ thẩm là 636.000 đồng (Sáu trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 và Điều 463 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT.

1.1. Bà N.K.S có trách nhiệm thanh toán cho của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn thiếu theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 03/08/2018 tổng cộng đến ngày xét xử sơ thẩm là 12.719.779 đồng (Mười hai triệu bảy trăm mười chín ngàn bảy trăm bảy mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 9.811.616 đồng (Chín triệu tám trăm mười một ngàn sáu trăm mười sáu đồng) và tiền lãi là 2.908.163 đồng (Hai triệu chín trăm lẻ tám ngàn một trăm sáu mươi ba đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay, bà N.K.S còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 03/08/2018 .

2. Án phí sơ thẩm:

2.1. Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về dân sự là 636.000 đồng (Sáu trăm ba mươi sáu ngàn đồng) bà N.K.S phải chịu.

2.2. Hoàn cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTTC số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0088005 ngày 15/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân